

Số: 4066 /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Xét đề nghị của Cục Chăn nuôi tại Tờ trình số 53/TTr-CN-VP ngày 31/8/2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Chăn nuôi là tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về giống, sản phẩm giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện cơ sở chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi, chăn nuôi động vật khác, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi; an toàn thực phẩm trong chăn nuôi thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

2. Cục Chăn nuôi có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, có kinh phí hoạt động theo quy định pháp luật.

3. Trụ sở chính của Cục đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Các dự thảo: luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục;

b) Chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hằng năm, cơ chế, chính sách và các chương trình, dự án, đề án, công trình quan trọng quốc gia về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục.

2. Trình Bộ ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật; tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục theo phân công của Bộ trưởng và quy định pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Ban hành các văn bản cá biệt và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, đánh giá tổng hợp báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện các cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch về chuyên ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục.

5. Về hoạt động chăn nuôi:

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong chăn nuôi, phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ chăn nuôi trang trại, nông hộ thân thiện với môi trường; quỹ đất phù hợp cho phát triển chăn nuôi; ban hành danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn và cấm xuất khẩu; quy định chỉ tiêu chất lượng bắt buộc phải công bố trong chăn nuôi; xây dựng và hướng dẫn quy trình thực hành chăn nuôi tốt;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện chiến lược phát triển chăn nuôi; phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, nông hộ thân thiện với môi trường; thu thập, bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen giống vật nuôi; phát triển các giống đặc sản, chăn nuôi hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, lợi thế cạnh tranh;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giống và sản phẩm giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện cơ sở chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi; chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi, đối xử nhân đạo với vật nuôi;

d) Chỉ đạo thực hiện về cơ cấu vật nuôi; kỹ thuật chăn nuôi; tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất chăn nuôi hằng năm.

6. Về giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi:

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành danh mục về quản lý giống vật nuôi; quy định việc sử dụng, trao đổi nguồn gen giống vật nuôi, giống vật nuôi quý, hiếm, giống vật nuôi cấm xuất khẩu; nhân bản vô tính, nghiên cứu, chọn, tạo, thử nghiệm, sản xuất, kinh doanh, sử dụng, phóng thích, trao đổi quốc tế và hoạt động khác đối với vật nuôi biến đổi gen theo quy định pháp luật;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về sản xuất, mua bán, nhập khẩu, xuất khẩu giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi; chất lượng giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi, vật tư, dụng cụ, thiết bị, sản phẩm, dịch vụ phục vụ sản xuất giống vật nuôi; kiểm tra về văn bản pháp luật, hệ thống tổ chức thực thi, điều kiện sản xuất giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi tại nước xuất khẩu theo quy định pháp luật;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về khảo nghiệm, kiểm định dòng, giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi; đánh giá, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền về công nhận dòng, giống vật nuôi mới; công bố cơ sở khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi thực hiện kiểm định dòng, giống vật nuôi theo quy định pháp luật;

d) Chủ trì xây dựng kế hoạch, đề án phát triển giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi phù hợp với Chiến lược phát triển chăn nuôi và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước và từng vùng sinh thái nông nghiệp;

đ) Chỉ đạo triển khai chương trình đầu tư phát triển giống vật nuôi, chương trình hỗ trợ nhập khẩu, sản xuất, nuôi giữ và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi;

e) Quản lý nhà nước về giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

7. Về thức ăn chăn nuôi:

a) Trình Bộ ban hành danh mục về quản lý thức ăn chăn nuôi theo quy định pháp luật;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về sản xuất, mua bán, nhập khẩu, xuất khẩu thức ăn chăn nuôi, chất lượng thức ăn chăn nuôi; thực hiện kiểm tra nhà nước, giám sát về chất lượng thức ăn chăn nuôi xuất khẩu, nhập khẩu; kiểm tra về văn bản pháp luật, hệ thống tổ chức thực thi, điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi, phòng thử nghiệm tại nước xuất khẩu theo quy định pháp luật;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về công bố thông tin sản phẩm thức ăn chăn nuôi; khảo nghiệm, thử nghiệm, chứng nhận thức ăn chăn nuôi; công nhận thức ăn chăn nuôi mới theo quy định pháp luật;

d) Quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

8. Về điều kiện cơ sở chăn nuôi, bảo vệ môi trường và xử lý chất thải trong chăn nuôi:

a) Trình Bộ ban hành danh mục về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định pháp luật;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra về hoạt động chăn nuôi, quy mô chăn nuôi, mật độ chăn nuôi, kê khai hoạt động chăn nuôi, điều kiện cơ sở chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định pháp luật; kiểm tra hệ thống quản lý, sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại nước xuất khẩu theo quy định pháp luật;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; thực hiện kiểm tra, giám sát về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định pháp luật;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát môi trường và ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu trong chăn nuôi; quản lý và sử dụng hiệu quả chất thải chăn nuôi, thúc đẩy các mô hình chăn nuôi hữu cơ, kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về công bố thông tin sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; khảo nghiệm, thử nghiệm, chứng nhận sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; công nhận sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới theo quy định pháp luật;

e) Phối hợp với các cơ quan quản lý môi trường liên quan đánh giá chất lượng môi trường, đề xuất những giải pháp bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong sản xuất chăn nuôi;

g) Quản lý nhà nước về điều kiện cơ sở chăn nuôi, bảo vệ môi trường và xử lý chất thải trong chăn nuôi theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

9. Về chăn nuôi động vật khác và đối xử nhân đạo với vật nuôi:

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi; thực hiện rà soát, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi theo quy định pháp luật; quy định việc chăn nuôi động vật khác thuộc Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi, đối xử nhân đạo với vật nuôi;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy định của pháp luật, quy trình chăn nuôi động vật khác, đối xử nhân đạo với vật nuôi; cấp mã số quản lý đối với cơ sở chăn nuôi động vật khác được phép chăn nuôi;

c) Quản lý nhà nước về chăn nuôi động vật khác và đối xử nhân đạo với vật nuôi theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

10. Về quản lý an toàn thực phẩm trong chăn nuôi: Phối hợp với cơ quan liên quan quản lý an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chăn nuôi theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Quản lý vật tư đầu vào dùng trong chăn nuôi bảo đảm an toàn thực phẩm theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy trình sản xuất chăn nuôi bảo đảm an toàn thực phẩm; đề xuất xây dựng, phát triển và quản lý các vùng chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi tập trung; giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất và sản phẩm của cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi gắn với sơ chế, cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; kiểm tra về văn bản pháp luật, hệ thống tổ chức thực thi, điều kiện sản xuất, kinh doanh vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi tại nước xuất xứ theo quy định pháp luật.

11. Về chế biến, bảo quản, vận chuyển: Phối hợp xây dựng, thẩm định cơ chế, chính sách, chiến lược, chương trình, đề án, dự án về chế biến, bảo quản, vận chuyển sản phẩm chăn nuôi gắn với phát triển sản xuất, thị trường và vùng nguyên liệu; đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản, vận chuyển sản phẩm chăn nuôi.

12. Về thương mại trong chăn nuôi: Thực hiện nhiệm vụ xúc tiến thương mại và phát triển thị trường lĩnh vực chăn nuôi theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và kinh doanh, tiêu thụ giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi;

b) Triển khai các hoạt động phân tích, dự báo thị trường, xây dựng thương hiệu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi.

13. Cấp, cấp lại, thu hồi các loại giấy chứng nhận, chứng chỉ, giấy phép thuộc lĩnh vực chăn nuôi theo quy định pháp luật. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện, đánh giá giám sát theo quy định. Thẩm định và công nhận các tiến bộ kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định pháp luật.

14. Thẩm định, đánh giá, chỉ định, công nhận và quản lý hoạt động của phòng, đơn vị, cơ sở thử nghiệm, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận sự phù hợp về giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường và điều kiện chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, sản phẩm

chăn nuôi; chứng nhận VietGap, chứng nhận sự phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và nước ngoài về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục theo quy định pháp luật;

Đánh giá chỉ định phòng kiểm nghiệm, kiểm chứng về giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường và điều kiện chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi phục vụ quản lý nhà nước và yêu cầu của người dân, doanh nghiệp; kết luận cuối cùng khi có sự khác biệt về kết quả kiểm nghiệm giữa các cơ quan kiểm nghiệm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục theo quy định pháp luật.

15. Khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu: thực hiện nhiệm vụ về khoa học và công nghệ, chuyển giao ứng dụng công nghệ về chăn nuôi theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và theo quy định của pháp luật;

Thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và theo quy định của pháp luật.

16. Về bảo tồn và đa dạng sinh học:

a) Bảo tồn, khai thác và phát triển hợp lý nguồn gen giống vật nuôi bản địa, nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm; ứng dụng tiến bộ di truyền giống của thế giới; phát triển chăn nuôi phù hợp với vùng sinh thái;

b) Thu thập, bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen giống vật nuôi thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

c) Tổ chức điều tra, đánh giá giống vật nuôi đặc hữu hoặc có giá trị đang bị đe dọa tuyệt chủng để đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

d) Tổ chức việc lưu giữ và bảo quản lâu dài mẫu vật di truyền của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài nhập khẩu phục vụ công tác nghiên cứu, nhân giống, lai tạo giống, ứng dụng và phát triển nguồn gen.

17. Về khuyến nông:

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, chiến lược, tổ chức và hoạt động về khuyến nông, xã hội hóa các hoạt động khuyến nông, thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến nông trong chăn nuôi; danh mục chương trình, dự án khuyến nông trung ương trong chăn nuôi theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về hoạt động khuyến nông trong chăn nuôi;

c) Phối hợp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện hoạt động khuyến nông trung ương trong chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao

quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác về các hoạt động khuyến nông trong chăn nuôi theo quy định pháp luật.

18. Đề xuất trình Bộ các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Cục; thực hiện nhiệm vụ quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư do Bộ trưởng giao; tham gia thẩm định các chương trình, dự án đầu tư chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Cục.

19. Tham gia thực hiện nhiệm vụ kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng.

20. Tổ chức chỉ đạo công tác điều tra, thống kê về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục. Xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc cấp mã số quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi; cập nhật, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi.

21. Tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về chăn nuôi theo quy định pháp luật.

22. Thực hiện hợp tác quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế và các chương trình, dự án theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

23. Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch, đề án cải cách hành chính của Bộ và quy định pháp luật.

24. Về quản lý tổ chức, hoạt động dịch vụ công:

a) Trình Bộ cơ chế, chính sách về cung ứng dịch vụ công; thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ công; định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và các quy định về dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của Cục;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức thực hiện dịch vụ công thuộc chuyên ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Cục theo quy định pháp luật.

25. Hướng dẫn, kiểm tra đối với hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Cục; tham gia ý kiến về công nhận Ban vận động thành lập hội và Điều lệ hội theo quy định.

26. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, danh mục vị trí việc làm; cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và hợp đồng lao động theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng. Thực hiện chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức, hợp đồng lao động thuộc quyền quản lý của Cục theo quy định.

27. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo quy định pháp luật; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý của Cục theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật.

28. Thực hiện chuyển đổi số trong chăn nuôi theo chương trình, kế hoạch, đề án của Bộ và quy định pháp luật.

29. Quản lý tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao; tổ chức quản lý việc thu, sử dụng phí, lệ phí thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định pháp luật.

30. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và phân công, phân cấp của Bộ trưởng.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Cục; có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

a) Cục trưởng có trách nhiệm: trình Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục; ban hành Quy chế làm việc của Cục; quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức tham mưu thuộc Cục; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập (các tổ chức có tư cách pháp nhân) thuộc Cục sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của các tổ chức trực thuộc Cục theo phân cấp của Bộ trưởng và quy định pháp luật;

b) Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về hoạt động của Cục. Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác theo sự phân công của Cục trưởng; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Các tổ chức tham mưu:

a) Văn phòng Cục (có bộ phận thường trực phía Nam);

b) Phòng Kế hoạch, Tổng hợp;

c) Phòng Pháp chế, Thanh tra;

d) Phòng Giống vật nuôi;

đ) Phòng Thức ăn chăn nuôi;

e) Phòng Khoa học Công nghệ, Môi trường và Hợp tác quốc tế.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Trung tâm Khảo, kiểm nghiệm và kiểm định Chăn nuôi có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng để hoạt động theo quy định pháp luật. Trụ sở chính Trung tâm đặt tại thành phố Hà Nội.

b) Các đơn vị sự nghiệp khác được thành lập trên cơ sở Đề án do Cục xây dựng trình Bộ trưởng phê duyệt theo quy định;

Cục trưởng Cục Chăn nuôi có trách nhiệm sắp xếp, tổ chức lại phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc Cục theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 1398/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi và Quyết định số 2570/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi khoản 2 Điều 3 Quyết định số 1398/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ; Tư pháp; Công an; Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- UBND, Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đảng uỷ Bộ;
- Đảng uỷ Khối cơ sở Bộ tại TP. Hồ Chí Minh;
- Công đoàn Nông nghiệp và PTNT Việt Nam;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Công đoàn Bộ;
- Đoàn TNCS. Hồ Chí Minh Bộ;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG



Lê Minh Hoan